

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27 - 4 - 2021

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Việt Nam

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Từ Anh Tuấn

2. Bà Trần Thị Ngọc

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1145/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết M, sinh năm 1996; thường trú: Ấp P, xã K, huyện G, tỉnh A; tạm trú: Số 17/14, khu phố Đ 2, phường B, thành phố A, tỉnh D. Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng K, sinh năm 1990; thường trú: Ấp V, xã T A, huyện B, tỉnh G; tạm trú: Số 17/14, khu phố Đ 2, phường B, thành phố A, tỉnh D. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/12/2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh K có thời gian tìm

hiếu nhau rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2016. Vợ chồng có tổ chức lễ cưới và có đăng ký hôn tại UBND xã K, huyện G, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 90/2016 ngày 10/10/2016. Việc kết hôn là tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Số 17/14, khu phố Đ 2, phường B, thành phố A, tỉnh D. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chuyện tiền bạc, anh K giữ hết tiền, mỗi lần chị cần mua gì thì đều phải xin nhưng nói mấy lần anh mới đưa. Vợ chồng còn mâu thuẫn về chuyện tình cảm do anh K hay ghen tuông vô cớ từ đó chửi bới và đe dọa chị. Hiện nay vợ chồng chị đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh K.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Hoàng T, sinh ngày 10/03/2017 và Lê Thị Gia H, sinh ngày 14/7/2019. Khi ly hôn chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Chị Nguyễn Thị Tuyết M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Lê Hoàng K:* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 12/3/2021 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng yêu cầu bị đơn tham gia phiên tòa vào các ngày 06/4/2021 và 27/4/2021 nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận các yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 06/4/2021 và 27/4/2021 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Tuyết M và anh Lê Hoàng K là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện G, tỉnh A theo giấy chứng nhận kết hôn số 90/2016 ngày 10/10/2016 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị M xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chuyện tiền bạc và chuyện tình cảm do anh K hay ghen tuông vô cớ từ đó chửi bới và đe dọa chị. Hiện nay vợ chồng chị đã sống ly thân và không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại Hội liên hiệp phụ nữ phường An Bình nhưng Hội phụ nữ không biết nguyên nhân các mâu thuẫn vợ chồng. Quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh K đến Tòa án để hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh K không đến, đồng thời chị M có đơn từ chối hòa giải. Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn có cơ sở xác định trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tình trạng đã trầm trọng và cả hai đều không muốn hàn gắn. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Lê Hoàng T, sinh ngày 10/03/2017 và Lê Thị Gia H, sinh ngày 14/7/2019. Khi giải quyết việc ly hôn, Tòa án cần xem xét đến sự phát triển của con chưa thành niên để quyết định việc giao con cho cha hay mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu T và cháu H còn nhỏ cần được sự chăm sóc của chị M; quá trình tố tụng anh K không có ý kiến gì về việc chị M yêu cầu được nuôi dưỡng. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Tòa án nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết M về tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn anh Lê Hoàng K.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết M được ly hôn với anh Lê Hoàng K (Theo giấy chứng nhận kết hôn số 90/2016 do UBND xã K, huyện G, tỉnh A cấp ngày 10/10/2016).

- Về con chung: Anh Lê Hoàng K giao con chung tên Lê Hoàng T, sinh ngày 10/03/2017 và Lê Thị Gia H, sinh ngày 14/7/2019 cho chị Nguyễn Thị Tuyết M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, anh Lê Hoàng K và chị Nguyễn Thị Tuyết M có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Tuyết M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0049188 ngày 29/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- CCTHA DS thành phố Dĩ An (01);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã K, huyện G, tỉnh A, tỉnh G (01);
- Đường sự (02);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (02).

Nguyễn Việt Nam